

LUẬN VỀ SAO LIÊM TRINH:

Liêm Trinh thộc Âm Hỏa kiêm Mộc, hóa khí là “tử” trong hệ Bắc Đẩu. Còn mang tên Đào Hoa thứ hai (sau Tham Lang). Nói theo Tử Vi hệ phái Việt Nam là Đào Hoa thứ ba. Vì Tử Vi Việt có hân một sao đào hoa mà Trung Quốc thường gọi bằng “hâm tri”, với Trung Quốc chỉ có bốn chỗ đương nhiên Đào Hoa ở đây là: Tí Ngọ, Mão Dậu mà họ gọi bằng “bại địa”.

Hình dáng Liêm Trinh gây nhiều xương hơn thịt, mắt lộ hầu lộ. Liêm Trinh cát hung vô định. Hội hợp với nhiều sao tốt thì công danh địa vị cao, trong chính giới phát triển tốt. Gặp các hung sát tinh hay bị hoạn nạn tai ách.

Đời Hán nhà Dịch học Dục Phụng viết: “Tham Lang thiện hành, Liêm Trinh ác hạnh”. Hai sao ấy phẩm hạnh đi ngược chiều nhau. Liêm Trinh chủ về phẩm chất, sự vinh nhục trên địa vị khi lên thì tốt, khi xuống thì xấu. Liêm Trinh mang hóa khí là “Tử”.

Liêm Trinh trên cảm tinh, tinh tinh khi thân cảm tinh hòa hiệp, lúc ghét giận thì hung dữ bất thường. Chất Đào Hoa của Liêm Trinh cũng căn cứ trên tình trạng đối thay ấy mà định. Liêm Trinh với Nữ nhân biến thái của tinh cảm mau và mạnh hơn với Nam nhân.

Trường hợp Liêm Trinh đứng với Hóa Kị hoặc gặp Hoa Kị chuyên hôn nhân không tránh khỏi gây đổ. Liêm Trinh đi với Tham Lang, Thất Sát, Phá Quân nữ mang vợ chồng lấy nhau tự nhiên không nghi lễ, hoặc lấy chồng người

Có câu phú: Liêm Trinh thanh bạch năng tương thú (Liêm Trinh ôm chặt khối tình).

Liêm Trinh độc tọa ở Dần Thân

Liêm Trinh đứng bên Thiên Phủ ở Thìn Tuất

Đứng cùng Thiên Tướng ở Ngọ, Tí

Đứng cùng Thất Sát ở Sửu Mùi

Đứng cùng Tham Lang ở Tỵ, Hợi.

Thanh bạch năng tương thú có hai kết cấu:

-Liêm Trinh đứng một mình ở Dần cùng với Lộc Tồn, hoặc Lộc Tồn chiếu

-Liêm Trinh đứng một mình ở Thân với Lộc Tồn hoặc Lộc Tồn chiếu.

Nói tóm lại chỉ ở trường hợp Liêm Trinh độc tọa gặp Lộc Tồn mới thanh bạch thôi. Năng tương thú có nghĩa là yêu mà bị xa nhau, yêu mà bị thất bại trong tình yêu nhưng vẫn giữ được mối tình ấy mãi mãi.

Tinh chất của Lộc Tồn là đôn hậu, tâm địa chân thành, trân trọng, cẩn thận. Khi đã đi cùng với các sao khác thì cái điều thanh bạch năng tương thú của Liêm Trinh Lộc Tồn bị chon không còn thuần khiết nữa. Cách này chỉ áp dụng với nữ mạng.

Nói về cách Liêm Sát. Phú viết: Liêm Trinh Mùi cung vô sát, phú qui thanh dương phan viển danh (Liêm Trinh đóng Mùi (bên cạnh Thất Sát) không gặp hung sát tinh thì phú qui tiếng tăm). Điểm đáng chú ý không thấy nói tới Liêm đóng Sửu. Nếu chỉ đóng Mùi chưa đủ, cần phải có Tà Hữu nữa mới thực sự ăn to như câu phú trên đây.

Liêm Trinh Mùi còn được coi là cách “hùng tù triều nguyên” đời nếm trải gian tân ngoài tuổi trung niên thành công. Thên Quyển Lộc đi nhiên như gấm thêm hoa. Nhưng cần bản căn Tà Hữu đã. Liêm Sát vào Mùi hay Sửu bị Hóa Kị hay Linh Hòa Kiếp Không sẽ biến thành cánh “mã cách lý thì” (da ngựa bọc thây) đa số vào võ nghiệp có địa vị cao và rồi chết với nghề. Liêm Sát như thế vào nữ mạng vất vả bồn ba và chết đột ngột. Liêm Sát ở Mùi sách chỉ nói là con người làm ăn có của (tích phú chi nhân).

Độc trong “Cốt Tủy Phú” của Đẩu Số toàn thư khi luận về sao Liêm Sát có mấy căn cho ta cảm tưởng như mâu thuẫn. Những câu ấy là: Liêm Trinh Thất Sát phân vi tích phu chi nhân; Liêm Trinh Thất Sát lưu đấng thiên nhai. Rồi ở “Thái Vi Phú” lại viết câu: “Thất Sát Liêm Trinh đồng vi, lộ

thương mai thi.

Thật ra những câu phú ấy không mâu thuẫn. Vì Liêm Sát đồng vị bao giờ cũng xuất hiện ở hai cung Mùi và Sửu, Liêm Sát ở Mùi mới là miếu địa. Liêm Sát Sửu bị vào thế hãm nhược. Vì Mùi là Mộc cục và Hòa khó. Trong khi Sửu là Kim cục và Thủy khó. Liêm Sát tại Mùi miếu địa nên tích phú, phần đầu gian khổ thành công.

Liêm Sát Sửu nếu không hội tụ được những cát tinh mà lại bị hung sát kị vây bọc thành ra lưu đặng thiên nhai, lộ thương mai thi. Liêm Trinh vào Sửu cung hòa bị thủy khắc.

Chuyển qua cách Liêm Tham (Ty hoặc Hợi). Cách này đưa tới tình trạng hình tù hoặc khách tử tha hương. Liêm Trinh vốn là Đào Hoa tinh, Tham Lang cũng lại là đào hoa tinh. Trước hết tình trạng hình tù ở tinh trường đả. Mê đắm sắc dục, bạc bài ăn chơi, mang công mắc nợ, bệnh tật triền miên.

Hình tù có mấy loại:

- Cảnh sát bỏ tù
 - Nợ bỏ tù (suốt đời nợ nần)
 - Bệnh bỏ tù (đau ốm hoai)
 - Vợ hoặc chồng bỏ tù (cuộc duyên giao hãm)
- Không cứ phải vào nhà giam mới bị gọi là tù.

Liêm Trinh không ưa Hóa Kị nhưng ở cách Liêm Tham mà được Hóa Kị lại giảm bớt hấn chuyên hình tù. Hòa hay Linh cũng tạo sự tốt hơn cho Liêm Tham. Liêm Tham ở Hợi hội với Kinh Dương Mão, đàn ông tù tội, đàn bà phong trần hoặc Kinh Dương Dậu hội chiếu Liêm Tham Ty cũng thế. Có lập luận cho rằng Liêm Tham Ty nặng hơn Hợi, lập luận này không vững lắm.

Tham Lang là đào hoa tinh, Liêm Trinh cũng là đào hoa tinh. Nay hai đào hoa tụ lại một chỗ ở Hợi, cổ nhân gọi bằng phiếm thủy đào hoa (hoa đào trên sóng nước) thường là con người đam mê tử sắc, bạc bại, khác với ở Ty ưa mạo hiểm vương vít vào những rắc rối luật pháp. Bởi thế Liêm Tham Ty dễ bị tù hơn ở Hợi. Cũng có thuyết cho rằng Tham

Lang cung Tí mới gọi bằng phiếm thủy đào hoa. Tí hay Hợi đều thuộc thủy. Nhưng ở Hợi có lý hơn vì ở Tí thì chỉ có Tham đứng độc thủ. Tham Lang tại Tí cũng đam mê sắc tình nhưng nhẹ hơn Liêm Tham Hợi. Tham Lang Tí ư phết lác hơn thực sự hành động.

Trường hợp người tuổi Giáp gặp cách Liêm Tham Hợi lại thường phong lưu vì một Lộc ở Mệnh một Lộc theo thế nhị hợp chưa kể đến hai sao Quyền Khoa hội tụ. Tại Tí tuổi Giáp không phong lưu như Hợi (thiếu mất Lộc Tồn), công danh lận đận nhưng cũng đáng nể.

Liêm Trinh đứng ở bốn cung vương Tí Ngọ Mão Dậu thế nào? Đứng Mão Dậu với Phá Quân. Đứng Tí Ngọ với Thiên tướng. Liêm Phá là con người tinh thần mạo hiểm cao, ưa xông xáo, thông tuệ nhưng học hành thường thôi, hay làm liều, lợi mình trước đã dù có hại người. Liêm Phá có thể là tay sai đắc lực, nhưng không thể thành người bạn tâm giao với ai, có nhiều nghị lực phản đấu.

Liêm Phá hợp với tuổi Giáp và Ất. Ất tốt hơn Giáp nếu Liêm Phá đóng Mão cung. Liêm Phá sợ gặp Hòa Tinh, nếu gặp dễ bị tai nạn hoặc ốm đau dữ dội với những bệnh hiểm nguy. Phú có câu: Liêm Phá Hòa cư hãm địa tự ái đầu hà. (Liêm Phá hội Hòa Tinh bị tai họa đến độ phải tự sát). Cái nghĩa đâm đầu xuống sông, treo cổ chỉ để nổi lên tình trạng hiểm nguy chứ không nhất định phải vậy.

Liêm Hòa Không Kiếp Phá Quân

Hãm cung thất cổ nợ trần hết duyên

Liêm Phá tại Mão Dậu cung

Sát tinh cùng hội danh công khó mang

Sát tinh ý chi Kinh Đà Không Kiếp. Tuy nhiên đối với các tuổi Giáp Ất lại không thể ứng dụng những lời ca trên. Từ Vi Đẩu Số Toàn Thư có đưa ra một câu phú:

Liêm Trinh Tham Sát Phá Quân phùng

Vân Khúc Thiên Di tác cư nhưng. (nghĩa là Liêm Trinh hội Tham Lang, Thất Sát hay Phá Quân, nếu tự cung Thiên Di lại xuất hiện Vân Khúc thì...).

Mấy chữ "tác cụ nhưng" không thể giảng ra được. Chỉ khả dĩ ghép hai chữ "cụ nhưng" thành chữ tác (làm giặc) thì mới có lý thôi. Ý chỉ nếu Liêm Tham Sát Phá gặp nhau lại thêm Văn Khúc xung chiếu Mệnh thì có khuynh hướng làm loạn, làm giặc. "Cụ nhưng" có nhân tách chữ tác ra cho vắn điệu với âm thanh "phùng" ở vé trên.

Liêm phá vào nữ mạng tháo vát, nhưng tính không nhu thuận đưa đến những khó khăn cho cuộc sống duyên tình. Liêm Trinh hợp với hai sao Thiên Tướng và Thiên Phủ. Chỉ đi với hai sao này Liêm Trinh mới không tác hại.

Phủ trong Tử Vi Đẩu số viết: "Thiên Phủ Tuất cung vô sát tấu, Giáp Kỷ sinh nhân phú vạn kim" (Thiên Phủ đóng Tuất mà người Giáp Kỷ giàu có). Thiên Phủ ở Tuất đương nhiên phải đứng với Liêm Trinh. Tuổi Giáp Hóa Lộc tại Mệnh, Lộc Tồn cung Dần hội tụ theo thế tam hợp.

Tuổi Kỷ, Lộc Tồn chiếu từ Ngọ, Hóa Quyền chiếu từ Dần. Thiên Phủ tại Thìn với tuổi Giáp không có song Lộc với tuổi Kỷ Tử Vi hãm. Xem như vậy thấy rằng Liêm Trinh thương phải đi với Lộc mới hay. Câu phủ chỉ nhắc đến Thiên Phủ, không nhắc đến Liêm Trinh, đó là một lỗi ấn ý của cổ nhân. Sự thật là Liêm Trinh đứng vau chủ chốt.

Liêm Trinh hội Lộc tiền bạc hoạch phát, Thiên Phủ thành ông thần giữ kho. Liêm Phủ khi đã nên công thì cơ nghiệp bền, không thần trảm. Liêm Trinh đứng cùng Thiên Tướng tại Tị Ngọ, thì Ngọ hay đẹp hơn Tị cho tuổi Giáp. Giáp có song Lộc nếu ở Ngọ.

Kỷ Lộc Tồn tại Mệnh cung, cái thế gần cận mạnh hơn chiếu. Tuy nhiên cách Liêm Phủ với Liêm Tướng có một khác biệt ấy là: Liêm Phủ trong cuộc phân đấu gặp may nhiều hơn như truyền đi gió đẩy. Trong khi Liêm Tướng dùng mô hôi sức lực để thành công như thuyền phải chèo.

Liêm Tướng Nữ mệnh, đàn bà giới trị gia gánh vác từ tay gây cơ dựng nghiệp và ít được nhờ chồng, tuy nhiên cuộc sống lứa đôi vẫn hạnh phúc. Liêm Tướng nếu không phải tuổi Giáp Kỷ thì vát và hơn. Liêm Phủ nếu không phải Giáp

Kỷ chỉ ở mức tiểu phú quý thôi.

Về Liêm Trinh còn những điều cần biết như sau:

Phủ viết: Liêm Trinh Bạch Hổ hay bị dính vào pháp luật, tù tội (Liêm Trinh gặp Bạch Hổ hay bị dính vào pháp luật, tù tội hoặc bị phạt tiền). Bạch Hổ ở câ phủ này chỏ vào niên Bạch hổ chứ không phải Bạch hổ đóng ngay tại Mệnh.

Riêng Quan Lộc cung mà Liêm Trinh gặp Kinh Dương thì thường bị thua gửi, kiện tụng hoặc mất quyền chức. Liêm Phá Liêm Sát vào cung Thiên Di tất phiêu lãng quê người như phủ có câu: Liêm Trinh Phá Sát hội Thiên Di từ ư ngoại đạo" phiêu lãng hoài, đương nhiên không thể chết nơi quê hương bản quán, chứ không phải từ ư ngoại đạo tức là chết đường chết chợ.

Liêm Trinh ở hãm cung mà gặp Hóa Kị Văn Khúc biểu thị con người tham lam vô độ, chỉ ưa tiền nghi không chịu được kham khổ để vì tiền nghi mà phản bội. Liêm Trinh đứng cùng với các sao đào hoa như Tham Lang, Đào Hoa, đàn bà hay có bệnh máu huyết, đàn ông bệnh thận. Người đời sau đưa thêm ra một số phủ đoán về Liêm Trinh:

*Liêm Trinh Phá Quan hiểm phòng vô hạn. (Số có Liêm Phá thủ Mệnh luôn luôn phải đề phòng những hiểm nguy).

*Liêm tại Cấn Khôn cung, nữ mệnh trích lệ thương phu, nược lại có quả không môn tiem ản; nam nhân bắt đa truant tại ách ư lương thể. (Liêm Trinh độc thủ Dân hay Thân, số gái dễ xa chồng phải nhỏ nước mắt thương nhớ, nếu lại gặp phải Cô Thần Quả Tú nữa thì xa hãn hoặc góa chồng, sống đơn độc, số trai được vợ hiền mà vợ lại chết sớm).

*Liêm tọa Thân cung phùng Phụ Bát

Cách kiem Hóa cát phúc quang vinh. (Liêm Trinh tọa thủ ở Thân có Tả Phụ, hay Hữu Bát mà được Hóa Lộc Quyền Hóa Khoa thì giàu sang).

*Liêm Sát Sửu Mùi, Át kỷ âm nam khi hùng tri dũng, Tuấn Triệt vô sãm kiem hữu Khoa Sinh hạn đá danh tài tốc phát. (Liêm Tinh Thất Sát đồng Sửu hay Mùi không bị Tuấn

Triệt anh hùng trí dũng tuổi Ất, tuổi Kỷ gặp vận hạnh có Hòa Khoa Trừng Sinh thì phần phát mau chóng).

*Liêm phùng Văn Quế cánh bốn ba. (Liêm Trinh đứng bên Văn Khúc cang bốn ba).

*Trọng Do uy mãnh Liêm Trinh nhập miếu hội Tướng quân. (Liêm Trinh đứng miếu địa cùng sao Tướng Quân là người anh hùng dám đương đầu như thầy Trọng Do học trò Không Tử).

*Vương Lương ái ngục Liêm Trinh hãm Địa Kiếp ư Hòa cung. (Liêm Trinh đóng Ty, gặp Địa Kiếp như Vương Lương ngộ nạn trong ngục thất)

*Liêm Tham Ty Hối chớ bàn

Chàng Tiêu thừa trước tàn toan ngục trường

*Công danh đợi tuổi tác cao

Giáp Liêm giáp Sát đoán nào có sai. (Mệnh cung bị Liêm Trinh, Thất Sát giáp thì về già mới nên công danh).

*Liêm Hạo Tài Bạch cùng ngồi

Phá tan tổ nghiệp ra người lãnh nhàn. (Liêm Trinh

Phá Quân vào Tài Bạch, phá tổ nghiệp bỏ quê hương mà đi).

*Tham Liêm đồng độ đảo điên

Trại thì phiêu lãng gái duyên dâm tang.

LUẬN VỀ SAO THIÊN PHỦ:

Thiên Phủ là chủ tinh của hệ Nam Đẩu. Tính chất của chủ tinh mang một đặc điểm trên mặt nào đó. Cũng có tài năng lãnh đạo, nhưng Tử Vi khả năng sáng mạnh mẽ, trong khi Thiên Phủ chỉ đặc lực khi cục diện đã xong xuôi. Thiên Phủ dễ bị ảnh hưởng người khác, quyết định tinh thấp. Có nhân coi Tử Vi chủ về tước lộc và chỉ xem Thiên Phủ chủ về tiền bạc y lộc. Bởi tại người xưa quan niệm quyền chức hơn giàu có, uy thế hơn tiền bạc. Ngoài ra tính chất của nam đẩu là gìn giữ bảo thủ và tuổi thọ.

Tính chất của bắc đẩu là tranh đấu, khác phục và dễ lâm hiểm nguy. Thiên Phủ cần là chứng tượng của sinh ra nuôi, lớn lên, cho nên Thiên Phủ mà đóng ở bảo huy nh thì anh em đông, Thiên Phủ đóng Mệnh thì trường thọ. Thiên Phủ thuộc dương Thổ, hóa khí là hiền năng. Thiên Phủ thủ Mệnh làm việc gì cũng cần thận chú ý, nhưng lại ưa chỉ tay nắm ngón hơn tự mình động thủ. Khiêm cung bề ngoài, nhưng tâm ý lại khác, tính tình phong lưu.

Thiên Phủ bản chất là chất chứa, cất dấu nên gọi bằng tai khó (kho tiền), bởi vậy cần Lộc thì kho mới đầy. Thiên Phủ sợ gặp sát tinh, nếu bị Kinh Đà Linh Hỏa Không Kiếp xung chiếu hay thủ, cổ nhân ví như kho không có cửa (lộ khó) tương phản với bản chất Thiên Phủ ắt không tốt đẹp. Có ca có câu: "Thiên Phủ hội hợp với Hỏa Linh Dương Đà là con người gian trá" làm thủ đoạn thích dùng quyền thuật.

Thiên Phủ là chủ tinh nên cũng ưa được châu hầu vì thế hợp với Hóa Khoa, điểm này thì hoàn toàn cùng chất với Tử Vi. Tử Vi có Thiên Phủ Thiên Tướng chiếu gọi bằng "Phủ Tướng triều viên" hay Thiên Phủ Tử Vi có Thiên Tướng chiếu gọi bằng "Tứ Tướng triều viên", tất cả đều coi là trăm quan hướng châu cả.

Thiên Phủ cần an định, bởi vậy sự có mặt của Thiên Khôi Thiên Việt không quan trọng lắm, vì lẽ Khôi Việt chủ

về cơ hội, đã an định đương nhiên cơ hội không được coi làm cần thiết. Thiên Phủ cần Tả Hữu Bật và Văn Xương, Văn Khúc, hoặc đứng cùng, hoặc tam hợp chiếu, hoặc giáp mệnh.

Một khi Thiên Phủ đã có Hóa Khoa Xương Khúc Tả Hữu rồi thì dù cho không gặp Lộc hay bị vài sát tinh cũng không xem như tình trạng kho rỗng, kho không cửa. Thiên Phủ Hóa được thiên hạ tin nhiệm trên mặt tiền bạc, thêm Tả Hữu càng mạnh hơn, mặt khác cũng là con người giới cang đáng trách nhiệm.

Thiên Phủ đóng Thìn Tuất (cùng với Liêm Trinh) có Hóa Khoa mà thêm Khôi Việt giáp hay hội tụ qua tam hợp, gặp cơ hội thì triển tài năng xứng đáng địa vị cầm đầu. Đối với Thiên Phủ có nhân cho rằng Hóa Khoa tốt hơn Hóa Quyền.

Bản thân Thiên Phủ là kho đụn chủ về tài quyền, không gặp Hóa Lộc hay Lộc Tồn hẳn nhiên quyền lực Thiên Phủ phải kém đi, lại luôn luôn chịu ảnh hưởng Thất Sát từ cung đối xung mà lại có Hóa Quyền nữa thì sức xung kích quá mạnh, Thiên Phủ khó bảo vệ tinh chất an định. Thiên Phủ Lộc Tồn đồng cung là kho có tài lộc chính là một triệu chứng an định vững bền. Lực lượng bảo thủ đã thắng sức xung kích của Thất Sát.

Trường hợp Thiên Phủ không đứng với Lộc nhưng có Tả Hữu và phải không bị những sát tinh khác quấy nhiễu, và đối cung Thất Sát lực lượng hùng mạnh hơn thì Thiên Phủ mới có được sự kích thích mà tự biến thành một kẻ phấn đấu không mệt mỏi mà thành công (trên mặt tiền tài thôi). Tỉ dụ Thiên Phủ đóng Tị Hợi, xung chiếu có Tử Vi Thất Sát, phía lực lượng xung kích còn có cả Hóa Quyền.

Có sự xung kích như thế Thiên Phủ mới từ bỏ hẳn bản chất an định. Nếu sức xung kích chỉ vừa phải như thiếu Quyền thì cuộc phấn đấu của Thiên Phủ thường đưa đến kết quả nửa đường bỏ cuộc.

Một trường hợp ngoại lệ cho Thiên Phủ Tị và Hợi là gặp Không Kiếp đồng cung thì lại biến ra con người tham

trảm khó hiểu nhưng đủ thủ đoạn để chống với sức xung kích kia mà làm nên giàu có. Không Kiếp phải đứng ở Tị Hợi mới hợp cách, Không Kiếp hội tụ theo thế tam hợp đều kể là “kho rỗng”, “kho lộ”, “kho thùng”. Không Kiếp chiếu làm cho tâm ý giáo quyết, nghi hoặc, không thích ứng với thực tế, cuối cùng như kẻ thất bại cô đơn.

Với nữ mệnh cũng áp dụng lối đoán như nam mệnh. Chỉ khác một điểm Thiên Phủ đặc thế thì tranh đoạt Phu quyền, gây cơ dưng nghiệp. Thiên Phủ không đặc thế mà gặp Không Kiếp thì tình duyên đứt đoạn dở dang.

Nhất là Thiên Phủ ở Mão hay Dậu. Thiên Phủ đứng một mình ở Mão Dậu, Sửu Mùi mà gặp Hóa Linh Không Kiếp, Kinh Đà thường là con người đầu cơ thủ sảo gian ngoan.

Những câu phú về Thiên Phủ đáng chú ý:

*Nam Thiên Phủ giao long vắng đực. (Mệnh đàn ông có Thiên Phủ tọa thủ là người làm việc thận trọng suy nghĩ chín chắn).

*Thiên Phủ tối kỵ Không tinh nhì ngộ Thanh Long phản vi cát tường. (Thiên Phủ sợ gặp Không Kiếp, nếu được Thanh Long thì tốt lắm).

*Phủ Cư địa vông nhược lâm Tuân Không Nhâm Đinh tuế, mẫn thế hoài bảo nanphùng vận lộ. (Thiên Phủ tại Tuất mà bị Tuân Không, tuế Đinh Nhâm cả đời hoài bảo không đạt).

*Thiên Phủ kỵ ngộ Không tinh lai nhập tài cung tán hao vô độ. (Thiên Phủ không hợp với Tuân Triệt Kiếp Không án ngữ Thiên Phủ ở cung tài bạch thì tiền bạc hao tán hoài).

*Thiên Phủ lâm Tuất cung vô sát tấu, Giáp Kỷ nhân yêu kim hươu thả phú. (Thiên Phủ đóng Tuất thủ Mệnh không bị sát tinh, người tuổi Giáp Kỷ dễ phát công danh và cũng dễ làm giàu).

*Thiên Phủ cư Ngọ Tuất Thiên Tướng lai triều Giáp nhĩn nhất phẩm chi quí. (Thiên Phủ đóng Ngọ hay Tuất có Thiên Tướng châu, người tuổi Giáp chức lớn).

*Phù tướng lại triều chung thân Phúc Lộc. (Mệnh có Phù Tướng châu, suốt đời có Lộc, tiền bạc dư dả, tốt nhất là ở hai cung tài bạch Quan Lộc chiếu lên, có kèm Lộc càng hay).

*Phù Vũ Tí cung, Giáp Đinh nhân phúc vương, danh hương; hung lại Tuân Kiếp danh sú nhân khi, ư Canh Nhâm tuế, tài phúc trường hành. (Cung Mệnh có Thiên Phù ở Tí, người tuổi Giáp Đinh hưởng phúc nên danh nên giá nếu bị Tuân Không, Địa Kiếp thì dễ mang tiếng mang tai, riêng tuổi Canh Nhâm không đáng ngại).

*Phù Vũ Khúc an bài cung Tí

Người Giáp Đinh cách ấy rất hay

Gặp phải Tuân Kiếp rui thay

Tiếng bia miệng xấu tháng ngày không yên

Nhưng gặp tuổi Canh Nhâm chế ngự

Phúc tài kia vẫn cứ hạnh thông.

*Thiên Phù Lộc Tồn Xương Khúc cự vận chi tư. (Mệnh có Thiên Phù Lộc Tồn Xương Khúc là số giàu).

*Thiên Phù Xương Khúc Tà Hữu cao đệ ân vinh. (Mệnh Thiên Phù cùng Tà Hữu Xương Khúc công thành danh toại).

*Thiên Phù cự Tài bạch diệt thị đa tài, ngộ Thiên Hình tât hao tổn. (Thiên Phù đóng tài bạch thì tiền cũng nhiều, nhưng bị Thiên Hình thành hao tổn).

*Phù phùng Đà Tuế Tỵ cung

Cường ngôn loạn ngữ nói rông thảng ngày.

*Phù phùng Không xứ tài suy

Thầy chung nan bảo tư cơ lưu truyền.

*Phù kị Không Kiếp đồng cung

Gặp Thanh Long lại biến thành vòng cát tinh. (Phù gặp Không Kiếp đồng cung, có Thanh Long lại trở nên tốt hẳn như ở trên đã bàn).

*Dần cung Tử Phù khá tương

Tam Hóa Kinh Bật là phương văn nhân

Áy văn cách chuyển sang võ tướng

Năm quyền uy bốn hướng phục tong

Nếu gặp Không Kiếp giao lâm
Át danh hư ảo có làm được đâu.

LUẬN VỀ SAO THÁI ÂM:

Từ Vi Đẩu Số Toàn Thư khi luận về sao Thái Âm bao giờ cũng dựa trên ba cơ sở:

a) Đứng đúng chỗ hay không? Miếu địa hay Hãm địa?

b) Sinh ban ngày hay sinh ban đêm?

c) Sinh vào thượng tuần hay hạ tuần trong tháng?

Thái Âm đóng Hợi, Tí Sửu tốt nhất, Thân Dậu, Tuất thứ nhì. Ở Dần Mão Thìn kêu bằng thất huy (mất vẻ sáng). Ở Tỵ, Ngọ Mùi là lạc hãm. Trong chỗ tốt nhất thì Hợi tốt hơn cả, cô nhân đặt thành cách: “Nguyệt lãng thiên môn”.

Sinh ngày sinh đêm chia hai nhóm giờ:

- 1) Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi.
- 2) Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tí, Sửu.

Về thượng tuần hay hạ tuần thì từ 1 đến rằm là thượng tuần, từ 16 đến ba mươi là hạ tuần. Thượng tuần mặt trăng mỗi ngày mỗi tròn. Hạ tuần mặt trăng mỗi ngày mỗi khuyết. Tròn tốt, khuyết xấu. Nhưng người sinh hôm rằm thời gian trăng tròn tới điểm cực lại không đẹp bằng người sinh ngày 13 hay 14.

Về Thái Âm trong những câu luận đoán có một câu đáng chú ý: “Thái Âm tại Thân Mệnh cung chủ tùy nương cái giá” nghĩa là bỏ chồng về nhà mẹ. Điều này không thể cứ Thái Âm là áp dụng. Còn phải tùy Thái Âm có rời vào hãm địa không đã. Nếu Thái Âm ở Tỵ, sinh vào hạ tuần mà sinh ngày thì lời luận đoán trên rất đúng về cái việc “tùy nương cái giá”, còn thêm sát tinh phụ hội càng đúng hơn, nhất là Hóa Tinh.

Cổ nhân còn viết: “Thái Âm thủ Mệnh bất lợi cho những người thân thuộc về phái nữ, vào số trai mẹ mất sớm, về cuối đời góa vợ, xa chị em gái; vào số gái cũng thế, ngoài ra còn ảnh hưởng đến bản thân nữa. Điều này cũng chỉ áp dụng qua tình trạng lạc hãm, thường tuần, hạ tuần và sinh

ngày sinh đêm.

Thái Âm vào Thân, ảnh hưởng nghiêm trọng hơn Mệnh với trường hợp Thái Âm tại Tỵ mà gặp Thái Dương Thiên Lương Dậu, rồi bên cạnh Thái Âm còn gặp sát tinh hội tụ nữa, ảnh hưởng nặng nề hẳn.

Với thời đại hiện nay, chuyện “tùy nương cái giá” không như ngày xưa cho nên khi nói về hậu quả của sự việc ấy phải rộng rãi hơn. Nguyên tắc của Tử Vi sao thường có cấp đôi, thấy Thiên Phủ thì trước hãy xem thế đứng của Thái Dương.

Trong bản số chi có hai cung Thái Âm Thái Dương đứng một chỗ là Sửu hoặc Mùi. Nếu tốt cả hai cùng tốt, mà xấu thì cả hai cùng xấu. Những sao đi cặp, hề cứ sao xung chiếu bị ảnh hưởng tốt xấu đều phản xạ qua sao bên kia.

Nhật Nguyệt ở Sửu Mùi thì ở Mùi tốt hơn ở Sửu. Tại sao? Vì Thái Dương ảnh hưởng mạnh hơn Thái Âm mà Mùi cung thì Thái Dương không thất huy như Sửu mới có sức trợ giúp Thái Âm. Cho nên Nhật Nguyệt Sửu, cuộc đời khó khăn vất vả lên xuống thất thường, nhưng Nhật Nguyệt Mùi an định hơn.

Nhật Nguyệt đồng cung mang nhiều khuyết điểm, vì cổ ca viết: Nhật Nguyệt thủ bất như chiếu hội, tình minh nghĩa là Nhật Nguyệt đóng mệnh không bằng chiếu Mệnh hoặc đứng hai chỗ cùng sáng như Thái Âm Hợi, Thái Dương Mão, Thái Âm Tuất, Thái Dương Thìn.

Phủ nói:

Nhật Nguyệt Mệnh Thân cư Sửu Mùi

Tam phương vô cát phản vi hung.

Vậy thì cách Nhật Nguyệt Sửu Mùi cần những sao tốt khác trợ lực mới đáng kể.

Thái Âm gặp Cự Môn Hóa Kỵ bị nhiều phiền lụy. Như trường hợp Mệnh không chính tinh Nhật đóng Thân, Nguyệt đóng Ngọ bên cạnh Nhật có Cự thêm Kỵ, phá mất cái tốt của hiệp. Thái Âm cũng không ưa Thiên Lương trong trường hợp đóng ở Tỵ, mà Dương Lương từ Dậu chiếu

gần cận nữ phái không ớn ào mà âm thầm nhưng khi thành gia thành thất rồi, vợ nắm quyền.

Thái Âm nữ mạnh đắc địa, đa tình lãng mạn, thiện lương, nhưng thiếu chủ kiến, có tâm sự u uẩn phải bộc bạch ra mới yên, cái bản chất qui thủy (nước trong) nên bao giờ cũng thích làm dáng, ăn ngon mặc đẹp.

Thái Âm hãm thủ mệnh lại đứng cùng Văn Khúc hãm nữa chỉ thành tự như một nghệ nhân tâm thường với cuộc sống phiêu bạt kiếm chắt đủ miệng ăn. Từ Vi Đẩu Số Toàn Thư còn ghi một câu: Thái Âm cư Tí, thủy chừng quê ngác, Bình Đỉnh nhân dạ sinh phù qui trung lương (Thái Âm đóng Tí, như giọt sương mai đọng trên hoa quê, người tuổi Bình Đỉnh sinh vào ban đêm giàu sang, tâm địa trung lương vì tuổi Bình tuổi Đỉnh đều có gặp Lộc Quyền, hay Lộc Tôn mà nên vậy).

Sau đây là những câu phú liên quan đến Thái Âm:

*Nguyệt diệu Thiên Lương nữ dâm bản. (Thái Âm gặp Thiên Lương đàn bà dâm và nghèo. Câu này chò vào từ Mùi hoặc Dậu, Thái Âm hãm mới kể).

*Nữ mệnh dung nhan mỹ tú, ái ngộ Nguyệt Lương. (Người đàn bà có nhan sắc là bởi Thái Âm, Thiên Lương, về nhan sắc thì Thái Âm hãm hay đắc địa như nhau, duy Thái Âm đắc địa dung nhan phúc hậu hơn).

*Nữ mệnh kị Nguyệt ngộ Đà. (Đàn bà rất kỵ Thái Âm gặp Đà La. Tại sao? Vì ưa loạn dâm. Thái Âm vốn dĩ đa tình lại có Đà La là tượng trưng sinh thực khí của đàn bà tức kể như nữ tính quá phần mạnh mẽ mà loạn).

*Nguyệt tại Hợi cung minh châu xuất hải tu cần Quyền Kỵ Khúc Xương hạn đảo. (Nguyệt ở Hợi là cách minh châu xuất hải, để phản phát còn cần gặp văn Khúc Xương Quyền Kỵ).

* Âm Dương lạc hãm tu cần không diệu tối kỵ sát tinh. (Âm Dương đứng không đúng chỗ, cần gặp Tuần Triệt Địa Không, ngại bị sát tinh hãm hại).

thường đưa đến tình trạng ly tán vợ chồng. Trường hợp Mệnh Cư Môn Thái Dương mà Thê Phu cung có Đồng Âm gặp Hóa Kỵ duyên cũng khó bền.

Về Thái Âm cổ nhân còn tìm thấy cách "minh châu xuất hải" (hòn ngọc sáng rực ngoài biển khơi). Cách này đòi hỏi Mệnh vô chính diệu tại Mùi, Thái Âm đóng Hợi, Thái Dương đóng Mão. Sách viết: "Nhật Mão Nguyệt Hợi Mệnh Mùi cung. Minh châu xuất hải vị tam công" (Thái Dương Mão, Thái Âm Hợi, Mệnh lập Mùi là cách minh châu xuất hải chức vị cao, quyền thế). Nhưng cách "minh châu xuất hải" vẫn phải cần Tả Hữu đứng cùng Nhật Nguyệt mới toàn bích, thiếu Tả Hữu mà gặp thêm hung sát tinh thì chỉ bình thường.

Luận về Thái Dương Thái Âm còn phải chú ý đến các cách giáp Mệnh. Như Thiên Phủ thủ Mệnh ở Sửu, Nguyệt tại Dân, Nhật tại Tí, Thiên Phủ Mùi Nguyệt ở Thân, Nhật giáp từ cung Ngọ.

Rồi đến Nhật Nguyệt hiệp Mệnh như Tham Vũ ở Sửu và Mùi. Tham Vũ Sửu thì Thái Âm Tí, Thái Dương Dân. Tham Vũ Mùi thì Thái Âm Ngọ, Thái Dương Thân. Mệnh lập Sửu vẫn tốt hơn Mệnh lập Mùi. Hiệp với giáp vào cung vợ chồng không mấy tốt, nếu kèm luôn hung sát tinh dựa đến tình trạng hôn nhân có biến.

Trường hợp Thiên Phủ ở cái thế kho thùng, kho rỗng, kho lộ mà giáp hiệp càng gây khó hơn ra. Thái Âm là âm thủy, chủ về điền sản và tiền bạc.

Thái Âm thủ mệnh nữ hay nam đều có khuynh hướng về hương thụ công việc gì cần nhẫn nại gian khổ không thể giao cho người Thái Âm. Thái Âm vào nữ mạng sinh ban đêm là người đàn bà nhan sắc, có cả Xương Khúc nữa càng mặn mả. Thái Âm trên khá năng thông tuệ nhưng lại thiếu nhẫn nại để mà học cao đến mức hiển đạt vì học vắn.

Thái Âm hãm độc tọa thủ Mệnh vào nam mạng thì nội tâm đa nghi. Vì Thái Âm chủ về điền sản nên đắc địa vào cung điền Trạch rất tốt. Thái Âm đắc địa thủ Mệnh số trai dễ

*Thái Âm Dương Đà tất chủ nhân ly tài tán. (Sao Thái Âm gặp Kinh Dương Đà La thì nhân ly tài tán. Đây là nói về Thái Âm hãm thôi).

*Âm Tang Hồng, Nhãn, Kỵ, Riêu, tân liên hàm tiểu hạn phùng Xương Vũ đâm từ xuân tình liên xuất phát. (Thái Âm cô Hồng Loan, Kinh Dương, Riêu Kỵ người đàn bà đẹp như đoá sen mới nở, nhưng gặp hạn Văn Xương Vũ Khúc tất sa ngã vì tình).

*Thanh kỳ Ngọc Thỏ tuy lạc hãm nhi bất bản. (Mệnh có sao Thái Âm dù không đắc địa, không bao giờ tung quán).

*Âm Dương lạc hãm gia Hình Kỵ Phu Thê ly biệt. (Cung Phối Nhật hay Nguyệt hãm mà thêm Hình Kỵ vợ chồng không sống đời với nhau).

*Nguyệt phùng Đà Kị Hồ Tang, thân mẫu thân trái nan toàn thọ mệnh. (Thái Âm gặp Đà La Hóa Kị, Tang Hồ thì mất mẹ sớm).

*Thái Âm đồng Văn Khúc ư Thê cung thêm cung triết quế. (Thê cung có Thái Âm đứng cùng Văn Khúc như lên cung trăng bé cạnh quế, lấy vợ đẹp và giàu sang. Nếu là Phu cung thì không được như vậy, tuy vẫn gọi là tốt).

*Duyên lành phò mã ngời cao

Thái Âm đắc địa đóng vào Thê cung.

*Vợ giàu của cải vô ngần

Thái Âm phùng Khúc Lộc Ân Mã đồng.

*Âm Dương Tuân Triệt tại Tiên

Mẹ cha đình đã chơi tiên chưa nào.

(Phái Âm Dương đắc địa mới kể).

*Âm Dương hội chiếu Mệnh Quan

Quyền cao chức trọng mới đáng hanh thông.

*Nguyệt miếu vương trùng phùng Xương Khúc

Việt Khôi Hóa Quyền Lộc Đào Hồng

Thiên Hi Tà Hữu song song

Giàu sang hồ dễ ai hòng giám tranh.

*Thái Âm lạc hãm phải lo

Kỵ lâm thường thấy tay vò dăm chiêu.

*Nguyệt gặp Long Trì ở cùng
Tuy xấu nhưng cũng được phần âm thân.

*Thiên Cơ với Nguyệt cùng ngồi

Ở cung hãm địa ấy người dâm bốn.

(Cơ và Thái Âm ở Dần, đẹp nhưng lằng mạn).

Về hai sao Thái Dương và Thái Âm còn có một luận đoán đáng kể mà không thấy ở các sách Tử Vi chính thống, như sau:

Nam mạng Thái Âm thủ Mệnh trên cử chi thái độ hao hao như nữ tử, trái lại nữ mạng Thái Dương thủ thì tinh quyết liệt, động tính nhiều nét nam tử.

Nam mạng Thái Dương thường xung động Thái Âm ở cung đối chiếu thường có khuynh hướng tà dâm, đôi lại nữ mạng Thái Âm thủ xung động Thái Dương thường là thụ tính dương hoa (lãng, lằng mạn), nhiều ít sẽ còn phải tùy thuộc cung phúc đức. Nam mạng Thái Âm thủ ư thân cận với nữ phái, ngược lại nữ mạng Thái Dương thủ thích giao du với nam phái.

LUẬN VỀ SAO THAM LANG:

Tham Lang là sao dương mộc đới thủy, thuộc hệ bắc đẩu. Chủ về họa phúc và hóa khí là đào hoa. Đẩu số toàn thư gọi Tham Lang là “bắc đẩu giải ách chi thần”.

Khi đến phần bình giải thì Tham Lang lại thành khuôn mặt của con người từ sắc phiêu đảng. Con người như thế làm sao có thể là giải ách chi thần được? Đời sau tìm tòi mới hay rằng giải ách chi thần đây có nghĩa là khả năng đa diện tài hoa khả dĩ làm êm thấm mọi chuyện, nói khác đi là có tài thu xếp, điều giải, ngoại giao.

Ngoài ra Tham Lang nếu gặp được những cát tinh khác là số trường thọ, lại ưa học tu luyện thần tiên thì đây cũng kẻ là mặt khác của giải ách chi thần. Nếu Tham Lang hội với Hóa Linh Tinh đóng ở Thìn Tuất Sửu Mùi hoặc đứng cùng Kinh Dương ở Ngọ thì lại chủ về quyền thế, từa vào quyền thế mà phú quý, khi đã quyền thế tất giải quyết được nhiều sự việc đáng kể như một giải ách chi thần vậy.

Tham Lang đặc địa nơi mộ cung Thìn Tuất Sửu Mùi. Ở vương địa Tí Ngọ Mão Dậu không hay bằng mộ địa. Có giải thuyết khác cho rằng Tham Lang vốn hóa khí đào hoa, mà Tí Ngọ Mão Dậu lại là đất của Đào Hoa thì quá mức mà thành không hay. Tham Đào như vậy dễ dâm loạn. Giao quyết trên hơi quá hóa.

Tính chất của Tham Lang thật ra có thiên hướng về vật dục, nếu vào vương địa khuynh hướng ấy nặng thêm, luôn cả về mặt tình dục. Nhưng lời đoán bảo rằng Tử Tham gặp Đào Hoa trai thì trộm đạo gái làm kỹ nữ không đúng, hãy chỉ coi như con người nặng về tình dục, vật dục thôi.

Cổ ca viết: “Tử Tham đồng cung tu Tả Hữu Xương Khúc hiệp chế” (Tử Tham đóng cùng cần có Tả Hữu và Xương Khúc hiệp để chế bớt đi). Hiệp là tam hợp chứ không phải giáp.

Tham Lang mộc nhưng cần thủy, dương mộc trôi trên

sông nước là hình ảnh phiêu đảng, xông xáo hiếu động nhưng thiếu nhẫn nại. Lúc trẻ cần còn non chưa đủ sức, lớn lên cây già mới thành giường cột, cho nên tuổi thiếu niên thường lãng đãng hào hoa hăm hở vui sống. Lúc đứng tuổi nhiều kinh lịch tâm ý biến đổi hẳn sức phấn đấu cũng bền bỉ mạnh mẽ. Do đó Tham Lang ít tham công trong tuổi niên thiếu.

Hình Thái của người Tham Lang thù Mệnh đặc địa vị là dương mộc nên cao lớn đầy đặn. Tuy nhiên hành động lạnh lẽ không chậm rãi như Thiên đồng hay Tử Phủ. Tham Lang độc tọa ở Tí Ngọ Dần Thân và Tuất Thìn. Tham Lang đứng với Vũ Khúc ở Sửu, Mùi.

.. đứng với Liêm Trinh ở Tị và Hợi
... đứng với Tử Vi ở Mão và Dậu.

Đầu hết nói về cách Tham Lang đứng với Vũ Khúc ở Sửu và Mùi. Tham Vũ Sửu Mùi là một cách tốt nói nhiều trong Tử Vi khoa. Mệnh Tham Vũ thì tam hợp hội tụ Tử Vi Thất Sát và Liêm Trinh Phá Quân, một tinh hệ với tính chất biến hóa phức tạp, vì có đa số hung tinh nên sức biến hóa càng mãnh liệt.

Tham Vũ thù Mệnh còn có Nhật Nguyệt giáp Mệnh, nếu được cả Tả Hữu Xương Khúc nữa thì cách Tham Vũ đồng hành kẻ như toàn bích đề mà công danh phú quý. Tham Vũ đi với Linh Hóa cùng hay, nhưng là con người thiếu đức hạnh so với đứng cùng Tả Hữu Xương Khúc. Tham Vũ Linh Hóa ích kỷ gian tham. Với Hòa Linh còn bốn ba bơi trôi trong tuổi niên thiếu nhiên hơn, qua cái nghĩa cổ nhân bảo: “Tham Vũ đồng hành bất phát thiếu niên nhân”.

Tham Lang là đào hoa, tính chất đào hoa ấy có thể phát triển thành sao nghệ như câu phú ghi: “Tham Vũ tử sinh tử mộ cung, Phá Quân Kị Sát bách công thông”. (Tham Vũ đóng ở các cung tử sinh hay tử mộ mà gặp Phá Quân Kị Sát là tay làm đủ thứ nghề).

Tỉ dụ Tham Vũ Sửu Mùi gặp Kinh Dương Đà La Không Tả Hữu Xương Khúc hoặc Tham Lang độc thủ ở Thìn Tuất mà không được Tả Hữu Xương Khúc mà gặp Sát Kị thì

rất thảo vạt trong chuyện mưu sinh. Đổng Dần Thân hay Ty Hợi không hội cát tinh mà thất Sát Kị thì cũng dùng sáo nghệ kiếm tiền. Nói tóm lại Tam Vũ hay Tham Liêm đồng cung hoặc gặp nhau, đều thuộc loại sáo nghệ.

Vấn đề nghệ nào thì còn tùy thuộc kết cấu với các sao khác. Với Xương Khúc là người thiết kế giới. Với Hỏa Linh và sao Thiên Trù mờ hang ẩn thành công. Với Đà La tinh thông máy móc. Ngoài ra khả dĩ qua quýt mà tìm thấy những biến hóa phức tạp khác.

Ở Tử Vi Đẩu Số Toàn Thư có cả quyết viết những câu: "Tham Nguyệt đồng Sát hội Cơ Lương, tham tái vô yém tác kinh thương" (Tham Lang cùng Thái Âm hội sát tinh gặp Thiên Cơ Thiên Lương thì tham tiền luôn luôn tính chuyên bán buôn). "Cơ Lương Tham Nguyệt đồng sát hội, đa bán kinh thương vô miên thụ" (Những sao Cơ Lương Tham, Nguyệt gặp sát tinh, suốt ngày đêm tần tảo không muốn nghỉ ngơi).

Những câu trên có thể ví tam sao thất bản ra chăng? Trên nguyên tác các sao ấy chẳng bằng cách gì gặp nhau. Để từ của Trần Đoàn là Ngổ Cảnh Loan có chú giải những câu tương tự trong bộ sách "Đẩu Số Tử Vi tinh quyết", tiếc rằng tôi chưa được đọc nó để tìm hiểu.

Một cách cuộc đáng suy gẫm: Tham Lang Mệnh rất kị Thân đóng nơi Thất Sát hay Phá Quân. Như vậy là con người sóc nói phiêu bất thắng trăm khó dừng lại mà an định.

Cổ nhân viết: Mệnh Tham Lang, Thân Thất Sát con trai cử chi điểm đàng, con gái phong thái lãng lợ, dù có cát tinh cũng khó long giáng phúc, gặp hung tinh càng tăng vẻ gian không chân thực, sóng hư hoa, giao thiệp người đáng tốt lại chơi xấu, người xấu lại đối tử tế, bởi vậy mới nói Thất Sát thủ Thân chung thì yếu, Tham Lang nhập Mệnh tất vi sượng (Trai mà Thân Thất Sát không thọ, gái mà Mệnh Tham Lang tất đi thóa).

Nếu như Thân là Phá Quân thì trai thích bạc bài du đàng, gái bỏ theo trai. Chỉ gặp Tuân hay Triệt thì Tham Lang

mới đoan chính mà thôi. Câu trên đây của cô nhân xét ra có phần quá đáng, không chính xác khi đoán về người Tham Lang Mệnh, mà Thất Sát hay Phá Quân thủ Thân.

Những cách cuộc ấy chỉ có thể bào rằng con người quá ham muốn vật dục, tinh dục lại ưa thay đổi và không có nghị lực để chịu đựng gian khổ mà làm nên việc không nhất thiết là kẻ lường gạt hay đi điểm.

Tuy nhiên lại có một điều đáng chú ý: Tham Lang hội sát tinh không nên gặp Văn Khúc, nếu Tham Lang thủ Thân mà Thất Sát thủ Mệnh lại cả Văn Khúc thì cuộc đời thường gặp tai họa bất ngờ. Chẳng chỉ Văn Khúc ngay cả Văn Xương cũng thế.

Tham Lang Xương Khúc thường là đa hư thiếu thực nói nhiều làm ít. Tham Lang cũng không hợp với Kinh Dương Đà La. Gặp Kinh Đà ở Tí hoặc Hợi cung thì thường ra con người phong đăng lưu lạc trong tình trường. Gặp Kinh ở Ngọ cung cô nhân gọi bằng "Mã đầu đới tiễn", gặp Đà La ở Dần cung cô nhân gọi bằng "Phong lưu thái trạng". Ở Tí cung và Hợi cung gọi bằng "Phiếm thủy đào hoa".

Những cách kẻ trên dễ rơi vào họa sắc tinh. Họa sắc tinh gồm có: a) tù tội, đổ máu, mất cơ mất nghiệp vì tình, hay bệnh tật. b) lấy phải vợ quá dữ như kẻ bị cầm tù mà vợ là giám ngục.

Cùng những cách trên đây mà được thêm các cát tinh phù trợ thì lại chỉ là con người hoa phong tuyết nguyệt, thi tửu cầm kỳ, chứ không đến nỗi tang thân, bại sản vì tình.

Tham Lang đứng cùng Hỏa Quyền gặp Hỏa Linh là tốt nhất, chủ quyền quý. Tham Lang Hỏa Lộc được thêm Hóa Linh thì dễ làm nên giàu có, hoành phát. Nói tóm lại sao Tham Lang sự biến hóa giữ tốt với xấu rất rõ ràng và mãnh liệt.

Tham Lang đi cùng Không Kiếp hay đam mê bạc bài. Tham Lang đi cùng Hồng Đào đàn bà đam mê vui thú sắc thịt. Tham Lang không sợ Tuân Triệt, Tuân Triệt khả dĩ chế

giảm bớt vật dục vượt tình của Tham Lang.

Cần đọc thêm những câu phú về Tham Lang sau đây:

*Tham Lang độc cư đa hủ thiếu thực. (Tham Lang đứng một mình ưa nói viển vông thiếu thực tế, cũng hay khoeác lác nữa. Đứng một mình mà không gặp cát tinh như Hóa Linh Koa Quyền Lộc mới kẻ).

*Nữ mệnh Tham Lang đa tật đó (Người nữ có sao Tham Lang thì Mệnh rất hay ghen, ghen dần năm trọn tháng chày. Bởi sao Tham đóng ở tẩy Mệnh cung).

*Tham Lang cư Mão Dậu, ngộ Hỏa tác công khanh. (Tham Lang đứng với Tử Vi ở hai cung Mão Dậu, gặp Hỏa Tinh khá đi làm lớn, có quyền thế. Khi có Hỏa Tinh thì Tham Lang biến thành chủ tinh lán át hần Tử Vi).

*Tham Lang gia cát tọa Trảng sinh thọ khảo vĩnh như Bành Tổ. (Tham Lang đóng Dân Thân Tị Hợi hội với cát tinh sống rất thọ)

*Tham Lang Thân cung vi hạ cách. (Chi hạ cách nếu bị Hóa Kị đi kèm).

*Tham Lang Tị Hợi gia sát bát vi đồ hộ diệt tạo hình. (Tham Lang gặp Sát mà đóng Tị Hợi nếu không làm đồ tề thì cũng dễ vương tội tù).

*Tham Lang kị ngộ sát tinh, ưu xâm Không Kiếp, văn niên phúc, thọ nan lương toàn. (Tham Lang gặp Sát tinh hoặc Không Kiếp, thì luồng tuổi nếu khá giả tất không thọ, nghèo khổ mới sống lâu).

*Tham Lang Hợi Tị hành phùng Quyền vượng biến hư thành thực ư Giáp Kỷ tuế phú, danh viên mãn. (Tham Lang đóng ở Hợi hay Tị mà được Quyền Lộc biến hư thành thực với người tuổi Giáp Kỷ khá dĩ nên danh phận cơ nghiệp).

*Tham cư Đoài Chân thoát tục vi tăng Kiếp Kị lại xâm trần hoàn đa trái. (Mệnh Tử Tham Mão Dậu gặp Hồng Loan Thiên Không thì đi tu, nhưng hề đã thấy Hóa Kị, Địa Kiếp xuất hiện thì tu không trọn nghiệp mà phá giới).

*Tham Đào tại nhân cung, nữ mệnh độc phụ chi nhân

ngộ Triệt Tuân thì tâm tình thư thái. (Tham Lang đóng nhân cung (như Hợi Tị hoặc Thân) thường là người đàn bà tâm tính độc hay tư tình, nhưng nếu đã có Tuân Triệt ăn ngũ thì đỡ hẳn).

*Tham Sát Ngọ Dân kiêm ngộ Hổ, Tang lôi, thú nan đề. (Tham Lang Thất Sát ở Dân hỷ Ngọ thì Mệnh gặp Bạch Hổ Tang Môn phải đề phòng tai nạn sét đánh, hoặc thú vật cắn).

*Tham tọa thủy cung, giáp biến tứ sát bản khô. (Tham Lang ở Tị Hợi lại giáp Kinh Đà Không Kiếp thì nghèo khổ).

*Tham Kị trùng Riêu thủy tai nan miễn. (Tham hãm địa gặp Hóa Kị Thiên Riêu thì dễ bị tai nạn về sông nước).

*Tham Lang Vũ Khúc thủ Thân vô cát Mệnh phản bất tường. (Cung thân có Tham Vũ mà cung Mệnh xấu thì danh phận ngăn ngại, dễ gặp hiểm nguy).

*Tý Ngọ Tham Đào át Kỷ âm nam lập nghiệp do thế, kiếm nâng sát diệu hành sự do thế. (Mệnh ở Tị Ngọ có Tham Lang Đào Hoa, người tuổi Ất Kỷ nhờ vợ mà nên cơ nghiệp nếu lại thấy cả sát tinh nữa thì quyền hành đều ở trong tay vợ).

*Dân Thân nhị hội Tham Liêm ngộ Văn Xương nhập lao Quan Trọng. (Tham Lang ở Dân hay Thân thì cung đối chiếu là Liêm Trinh lại thấy cả Văn Xương dễ bị dính vòng lao lý).

*Tham Đào Giải ách nhị ngộ Linh Riêu lãnh hoàn chi bệnh. (Đàn ông Tham Đào đóng giải ách gặp Linh Tinh Thiên Riêu bị lãnh tinh, hiếm con).

*Tham Lang Bạch Hổ trùng sinh

Tuất Thìn số ấy lãnh mình sơn lâm.

(Mệnh có Tham Lang đi cùng Bạch Hổ, người tuổi Thìn Tuất đừng nên ham thú săn bắn, sẽ bị thú vật cắn).

*Quan cung Tham Vũ cùng xâm

Đường xuất thừa ấy hải lâm bốn tri.

(Cung Quan Lộc Tham Vũ cùng đóng, ra lam quan

lặn dần lao đao).

*Tham Riêu hãm địa cùng xâm

Gia trung thất vận gian lâm trạch tại.

(Tham Lang Thiên Riêu ở hãm địa đóng cung Tài Bạch Điền Trạch thường bị mất trộm hoặc hết nhiên mà sụp đổ cơ nghiệp).

*Tham Lang miếu vương chi cung

Thân hình to lớn là goiung lược thao.

(Tham Lang đắc địa khô người to lớn, tháo vát lanh lẹ).

*Dần thân Tham gặp Tràng sinh

Không sao ác sát thọ vinh ấy mà.

(Tham Lang ở Dần hay Thân là cung của Tràng sinh tuổi thọ thường cao, nếu không bị ác sát tinh).

*Tham Đào số nữ thường dâm loạn

Ở hãm cung hỷ đoán cho tường

Tị Ngọ Mão Dậu máy phương

Nếu gặp Tuân Triệt lại phùng đoan trinh.

*Tham Vũ đóng đất Vòng La (Thìn Tuất)

Gặp loài Tang Đế một nhà lại hung.

*Mệnh chính diệu cung Phu Tham đóng

Áy là người phúc trọng chính thê

Mệnh vô chính diệu đáng chê

Cung Phu Tham đóng giữ bề tiểu tinh.

LUẬN VỀ SAO CỰ MÔN:

Cự Môn thuộc âm thủy trong hệ Bắc Đẩu chủ về thị phi và hóa khí là Âm. Hai chữ Âm diệu đã gây cho người đọc hiểu lầm không ít. Cự Môn tự nó không có ánh sáng thì đương nhiên không trở thành tối ám như Nhật Nguyệt hãm.

Cự Môn sở dĩ thành ám vì khả năng cản ngăn che khuất của nó. Vậy thì tính chất cản bản của Cự Môn là một vật gây chướng ngại. Đã gây chướng ngại tại sao nó đứng với Thái Dương ở cùng Dần lại thành tốt? Trong vũ trụ duy chỉ có vàng Thái Dương không vật gì có thể che khuất bởi vậy Thái Dương đắc địa không sợ Cự Môn.

Cự Môn đứng bên cạnh Thái Dương biến thành một vật gây phản chiếu cho Thái Dương, đồng thời Thái Dương đã chuyển Cự Môn từ ám thành minh. Ánh hưởng cản ngăn che khuất của Cự Môn gây khó khăn nhiều nhất là quan hệ giao tế.

Đầu số Toàn Thư viết: "Tính chất Cự Môn ngoài mặt thì thế mà trong lòng thì khác, đối với những người thân ít hợp, giao du với người mới thì trước yêu sau ghét". Mấy chữ "Cố độc chi số, khắc bạc chi thân" là nói về giao tế.

Cự Môn là sao của thị phi vậy thì Cự Môn "thị" hay "phi"? Vốn là ám diệu như màu đen chìm dưới đáy biển khómá biết rõ thị hay phi.

Trong lối sắp xếp bốn sao Hóa cổ nhân đã đặt để sao Cự Môn không bao giờ đứng cùng Hóa Khoa, nó chỉ đứng bên Hóa Lộc, Hóa Quyền và Hóa Kị thôi. Cự Môn đi cùng Hóa Kị lực lượng chướng ngại tăng cao hán, bởi vậy Mệnh mà gặp Cự Kị dễ rơi vào khẩu thiệt thị phi, tình cảm không khó, hoặc có bất kiện tụng, ngoài ra còn dễ lên bàn giải phẫu.

Cự Môn đứng cùng Hóa Lộc thì lời ăn tiếng nói hoạt bát, tranh biện hay, khả dĩ nói ra tiền vào nghề thầy kiện, vào ngành truyền thông hợp cách. Nhưng bản tính thị không thực, nói cười thân mật mà thiếu tình cảm chân thành.

Cự Môn đứng với Hóa Quyền sách bảo rằng đó là hung mà ra triệu chứng tốt (hung vì cát triệu). Nhờ chướng ngại tạo ra phản đầu mà nên công nên nghiệp, do chướng ngại mà thành công. Tí dụ xã hội biến động bị đẩy vào bước vào đường cùng, từ cùng sinh biến mà hóa thông. Càng vượt nhiều khó khăn càng thành công lớn. Những người làm chính trị, những người có số hoạnh phát thường thấy Mệnh Cự Môn Hóa Quyền. Cự Môn không cản Hóa Khoa nhưng gặp Hóa Khoa Cự Môn sẽ tan biến đi tính chất thị phi có hữu của Cự Môn.

Cự Môn đứng một mình ở các cung Tí, Ngọ, Thìn Tuất và Tỵ Hợi. Cự Môn đứng cùng Thiên Cơ ở Mão và Dậu. Đứng cùng Thiên Đồng ở Mùi, Sửu. Đứng cùng Thái Dương ở Dần Thân.

Trước nói về Cự Môn Thiên Cơ. Thiên Cơ vốn đã động. Cự Môn lại đa biến. Hai sao này thủ Mệnh cuộc đời biến động nhiều và có tài xoay sở, tuy nhiên chỉ thành công nếu như giữ được sự an định, nếu cứ mặt sức biến động thì càng lún sâu vào những khó khăn. Cự Cơ trên nguyên tác là cách làm giàu, với điều kiện phải có Hóa Quyền, Hóa Lộc hoặc song Hao (Đại tiểu Hao), đã Lộc thì không nên Hao.

Cự Môn Thái Dương ở Dần tốt hơn ở Thân. Vì Dần cung Thái Dương quang huy còn mạnh trong khi ở Thân Thái Dương đã về chiều sức không đủ. Câu phú "Cự Nhật Dần Thân quan phong hầu bá" không hẳn là vậy.

Cự Môn Thiên Đồng gây phiền nhất cả trên tình cảm lẫn danh phận. Cự Đồng thủ Mệnh số trai khó lập công danh cơ nghiệp, số gái lận đận duyên tình.

Nói về Cự Môn đóng hai cung Tí và Ngọ mà ta thường gọi bằng cách "thạch trung ẩn ngọc" (ngọc còn ẩn trong đá). Cự Môn Tí Ngọ nếu được nếu được Khoa Quyền Lộc thủ chiếu là hợp cách ẩn ngọc, tuy không quyền uy lớn nhưng ắt giàu sang. Cự Môn ở Tí tốt hơn Ngọ. Vì lẽ đóng ở Tí, mới được Thái Dương Thìn đắc địa. Đóng Ngọ thì Thái Dương ở Tuất đã mất nhiều quang huy. Cự Môn Tí hay Ngọ

thì Hóa Lộc tạo nhiều sức mạnh hơn Lộc Tồn.

Các sao của Tử Vi Khoa bao giờ cũng mang hai bộ mặt cát và hung. Cự Môn Hóa Kị bị coi làm hung thần, nhưng lúc biểu hiện cũng vẫn có hai mặt tốt xấu. Hãy đọc câu phú sau: "Cự Môn Thìn cung Hóa Kị, Tân nhân Mệnh ngộ phản vi kỳ" (nghĩa là Cự Môn thủ Mệnh tại cung Thìn có Hóa Kị người tuổi Tân lại biến ra kỳ cách).

Cự Môn Hóa Kị đi cặp rất xấu, nhưng ở trường hợp này lại chuyển thành tốt. Vì nó được cả bốn Hóa, Hóa Quyền đứng bên Thái Dương chiếu lên, Hóa Khoa đứng Tuất với Văn Khúc chiếu qua, và Hóa Lộc đứng cùng Cự Môn. Thành ra kỳ cách "Tứ Hóa toàn phùng".

Cách này thường gây sôi nổi thị phi nhưng cuối cùng lập thành sự nghiệp to lớn. Cự Môn Hóa Kị ở cách này là con người đi ngược thời thượng không a dua mà đặt định một lẽ lối riêng biệt tiến bộ. Nó đi vào mọi lãnh vực chính trị, quân sự, văn học, âm nhạc đến hội họa, y học...

Nếu như Cự Môn ở Thìn không Hóa Kị Hóa Khoa chỉ có Quyền với Lộc thôi thì công danh lại thường do người dễ bại mà nên phú quý thiếu sức công phá của Hóa Kị nên không thành ra người sáng tạo sự nghiệp.

Sao Cự Môn rất hợp với những người tuổi Tân. Vì tuổi Tân sự an bài tử hóa theo thứ tự Cự Nhật Khúc Xương, đương nhiên hễ Cự Môn thủ Mệnh mà tuổi Tân thì đã chắc chắn có Lộc Quyền. Ngay cả đến cách Cự Đồng vào Mệnh là xấu nhưng với tuổi Tân cái xấu giảm hẳn đi. Bởi vậy mới có câu phú rằng: "Cự Môn Thìn Tuất hãm địa Tân nhân hóa cát lộc tranh vinh" (Cự Môn ở hai cung Thìn Tuất là đá hãm nhưng nếu tuổi Tân thì lại vinh hiển).

Cự Môn đóng ở Thìn là cung Thiên La (lưới trời) hoặc cung Tuất là cung Địa Vồng (lưới đất) kể như hãm. Thế hãm này chỉ phá ra được nếu Cự Môn có Địa Không, Địa Kiếp đi bên hoặc đứng với Kinh Dương hay Linh Tinh. Cuộc đời trải nhiều biến ba thăng trầm vượt lên mà thành công. Nhắc lại đã Kinh thì thôi Linh, đã có Linh thì đừng nên Kinh

thêm nữa.

Cự Môn có liên hệ nhiều với Thái Dương. Sách Đầu Số Toàn Thư viết: “Cự Nhật Dần lập Mệnh Thân tiên khu danh nhi thực lộc, Cự Nhật Thân lập Mệnh Dần tri danh thực lộc” nghĩa là Mệnh lập tại Thân Cự Nhật Dần xung chiếu hoặc Mệnh lập tại Dần Cự Nhật từ Thân xung chiếu cả hai đều danh vị đi trước Lộc tới sau.

Hai cách trên đều có tiền qua chức vị, chức lớn tiền nhiều, chức nhỏ quyền ít không thể do kinh thương mà làm giàu. Rồi một câu khác: “Cự tại Hợi cung, Nhật mệnh Ty thực lộc tri danh, Cự tại Ty Nhật Mệnh Hợi phản vị bất giai” nghĩa là Cự đóng Hợi Thái Dương thù Mệnh Ty có tiền rồi có danh, nếu như Cự đóng Ty Thái Dương thù Mệnh tại Hợi thì xấu khó mang đến danh lộc. Cự Hợi xung chiếu Mệnh khá dĩ kinh thương làm giàu, lớn nhỏ còn tùy các phụ tinh khác.

Còn một cách khác về liên hệ giữa Cự Môn với Thái Dương: “Cự Tuất, Nhật Ngọ Mệnh viên diệc vi kỳ”. An Mệnh cung Dần, Cự Môn đóng Tuất, Thái Dương từ Ngọ chiếu xuống, không bị Tuần Triệt làm ngăn trở Thái Dương. Cách này công danh tài lộc dễ dàng.

Cự Môn vào Mệnh thường là người ăn nói, lý luận vững vàng, mà cũng dễ va miệng nên như nó đứng cùng các sao xấu. Văn Khúc cũng có khả năng ăn nói, nhưng Văn Khúc biết lựa chiều nên ra tiền và làm đẹp lòng người. Còn Cự Môn nói để lập luận, phản tích, đá kích mà tạo quyền uy. Nếu có Hóa Quyền thì đạt ý muốn, nếu bị các hung sát phá, kết quả gây thù chuốc oán phiền não.

Tái ăn kỏi của Văn Khúc mang ý hướng đào hoa, thuyết phục. Tài ăn nói của Cự Môn đầy quyền lực, có khuynh hướng áp đặt. Cự Môn đứng với Thiên Đồng ăn nói thường gàn gàn khó nghe.

Cự Môn tuyệt đối không hợp với Linh Tinh Hóa Tinh. Cự Môn ngại thấy Kinh Dương Đà La. Có những câu có quyết ghi trong Đầu Số Toàn Thư: “Cự Hóa Linh Tinh phùng

ác hạn tử ư ngoại đạo” (Mệnh Cự Hóa Linh Tinh hay hạn gặp Cự Hóa Linh Tinh rất hung nguy).

Cự Môn Dương Đà ư Thân Mệnh, tật bệnh doanh hoạnh. (Cự Môn gặp Dương Đà ở Thân hay Mệnh bệnh tật triển miên).

Những cách trên nếu như gặp Hóa Khoa, hay bộ tam minh (Đào Hồng Hi) có thể hóa giải, thêm cả Hi thân càng tốt). Ngoài ra Cự Môn còn một cách nữa qua câu quyết: Cự Lương Thân Mệnh, bại luân loạn tục (Cự Môn v ả Thiên Lương một ở Thân, một ở Mệnh, thường có khuynh hướng loạn luân).

Cách này chỉ xuất hiện khi nào Cự Môn đóng Mệnh cung mà Thân lại ở Phúc Đức thời. Trường hợp Thiên Lương Mệnh thì Cự Môn bắt buộc phải đóng Thê cung, không ăn nhập gì đến câu quyết trên.

Qua kinh nghiệm thì chuyện bại luân loạn tục chỉ xảy ra nếu như Mệnh hay Phúc đức có thêm những sao Đào Hoa, Thiên Riêu, Mộc Dục, Không Kiếp. Những câu phủ khác về sao Cự Môn cần biết:

*Cự Nhật Dần Thân thiên môn nhật lãng, kị ngộ Lộc Tồn ái giao Quyền Phượng. (Cự Nhật thù Mệnh cung Dần không nên gặp Lộc Tồn mà cần gặp Hóa Quyền Phượng. Các câu này mâu thuẫn với câu phủ: “Cự Môn Dần Thân, tới chi Giáp Canh sinh” nghĩa là Cự Môn đóng Dần hay Thân rất tốt cho tuổi Canh và Giáp, hai tuổi này Lộc Tồn ở ngay Thân hay Dần. (Trên nguyên tác thì Cự Môn cần Hóa Lộc, Hóa Quyền hơn Lộc Tồn). Một điểm sai khác trong câu này: Cự Môn tại Dần không hề gọi là nhật lãng “Thiên Môn”.

*Cự Nhật mệnh viên, hạn đảo Sít Hình Kiếp Kị tu phùng tâm phế, kiêm Thiên Mã hãm tật tử chi, duy hạnh song Hao khả giải. (Cự Nhật ở Mệnh, vận hạn đến Sát Hình Kiếp Kị phải lo bệnh nơi tim phổi, nếu thấy cả Thiên Mã Tuần Triệt thì đề phòng thương tích tay chân).

*Cự Cơ Dậu thương hóa cát giả, tòng hữu tài quan đã bất chung. (Cự Cơ thù Mệnh tại Dậu, nếu giàu sang lớn thì

không bền hay không thọ).

*Tây Nương Tử áp đảo Ngộ tiên do hữu cự Cơ song Hao Quyền An Đào Hồng phu cung. (Nàng Tây Thi làm mầu làm gió dưới triều đại Ngộ vương bởi vì phu cung có Cự Cơ song Hao, Quyền An Đào Hồng. Cách này tất Mệnh cung Thiên Lương thù, đàn bà bạt nhưng Phu cung tuyệt bậc giàu sang. Cũng là cách làm đi nên bà).

*Mão Dậu Cự Cơ Tân nữ ích tử vượng phu bát kiến Triệt Tuân đa tài thao lược. (Mệnh Cự Cơ Cự thủ ở Mão Dậu, người nữ tuổi Tân vượng phu ích tử, nếu không bị Tuần Triệt; là người đàn bà đảm đang quán xuyên).

*Cự Cơ nhi ngộ Lộc Tồn ngữ bất chính ngôn. (Mệnh Cự Cơ đồng cung với Lộc Tồn thì hay ăn nói hồ đồ thiếu thận trọng).

*Cự Cơ chính hướng hạnh ngộ song Gao uy quyền quán thế. (Cự Cơ thủ Mệnh gặp song Hao giàu sang hơn người).

*Tân nhân tới ái Cự Môn nhược lâm tử Mộ phùng Tả Hữu cừu Mệnh chi tinh. (Người tuổi Tân hợp với sao Cự Môn, nếu vào đất tử Mộ Thìn Tuất Sửu Mùi mà gặp Tả Hữu tránh được nhiều hung hiểm trong đời).

*A Man xuất thế do hữu Cự Kị Khốc Hình Thìn Tuất. (Táo Tháo lừng lẫy do bởi Mệnh có Cự Kị Khốc Hình ở Thìn Tuất).

*Cự, Đồng nhi phùng La Vãng, ngộ Khoa Tinh thoại thuyết Lịch Sinh. (Cự hay Đồng thủ Mệnh ở Thìn Tuất, có Hoa Khoa thì làm du thuyết như Lịch Sinh đời xưa).

*Cự Môn Tị Hợi kị ngộ Lộc Tồn nhi phùng Quyền Lộc kiếm sa Đẩu Ngu. (Cự Môn an Mệnh ở Tỵ hay Hợi không nên gặp Lộc Tồn. Lộc Hóa Quyền thì ví như cầm kiếm mà chém. Sao Đẩu sao Ngu).

*Cự Môn phùng Đà Kị tới hung. (Cự Môn đồng Mệnh gặp Đà Kị rất xấu).

*Cự phùng Tồn tử cát xứ tang hung, ưu nhập tử cung vô nhị tống lão. (Cự Môn đứng bên Lộc Tồn tuy tốt nhưng có

hung hém ăn bên trong, nếu hai sao này vào tử tức tới già không con cái nối dõi).

*Cự Môn Thế thiếp đa bất mãn hoài. (Cự Môn đồng Thế luôn luôn bất mãn với duyên tình, không yên với một vợ).

*Cự Môn bất mãn trong lòng

Ba lần kết tóc mới xong mới sầu.

(Số nữ Cự Môn tại Phu, phải mấy đời chồng).

*Giải sử mặc ngộ Cự Đồng kiêm phùng Tang Hồ Đà Riêu hữu sinh nan dưỡng. (Cung Tật Ách thấy Cự Đồng mà đi với Tang Hồ Đà Riêu thì sinh mà không nuôi được).

*Cự phùng Dương miếu tốt thay

Thăng quan tiến chức vận lành mừng vui.

(Vận đến Thái Dương đắc địa hội Cự Môn làm quan thăng chức).

*Kính Đà Linh Hóa cùng ngồi

Vớ sao Cự tử một đời tai ương.

*Hợi Tị Cự Lộc Quyền rất quý

Gặp Lộc Tồn biến thế ra hư.

*Cự gặp Hồ Tuế Phù hội viện

Áy là nghề thầy kiện quan tòa.

*Cự Tị Ngọ gặp Khoa Quyền Lộc

Áy là người đa học đa năng.

*Cự Nhật đồng thủ Dần Thân

Một đời chức tước cháu con sang giàu.

*Gặp Quyền Vương càng thêm vinh hiển

Gặp Lộc Tồn lại kém lắm thay.

LUẬN VỀ SAO THIÊN TƯỚNG:

Thiên Tướng thuộc Nhâm thủy, Nam đầu tinh, hóa khí là Ân, người xưa quan niệm như một vị quan trông coi về ấn tín trong khi Thiên Cơ được coi làm mưu thần. Thiên Tướng và Thiên Cơ đều mang chung một khuyết điểm là thiếu khả năng lãnh đạo, nhưng lại khá hay giỏi về mặt phò tá. Trên căn bản Thiên Tướng khác Thiên Cơ ở chỗ: Thiên Tướng tại về hành chánh còn Thiên Cơ tại về tham mưu.

Thiên Tướng đắc thời làm to hay ở địa vị phò hay thứ. Tính tình Thiên Tướng ảm trọng, ảm nói cân thận, làm việc chậm và kỹ, đối với người có thủy có chung, chịu đựng, gánh vác, thông minh và ưa giúp đỡ. Thiên Tướng ở địa vị lãnh tụ thường thất bại.

Thiên Tướng đứng cùng sao xấu biến ra xấu, đứng cùng sao tốt biến ra tốt. Luận về sao Thiên Tướng luôn luôn phải kết hợp với những sao khác, không thể tách riêng biệt ra để mà nói lên nhân cách của sao này. Tỉ dụ Tướng đi với Hỏa Lộc hoặc Hỏa Lộc xung chiếu là người rất quyền rũ đối với đàn bà con gái.

Tướng đi với Hoa Cái Đào Hoa đàn bà đẹp và lãng. Tướng đi với Hồng Loan thì đẹp mà đoan chính lấy chồng sang. Tướng đứng cùng Liêm Trinh gặp Phụ Bát là thầy thuốc giỏi. Tướng đi với Khoa Hình Quyền cung Ngọ lấy lưng về nghiệp võ.

Thiên Tướng giữ ấn tín dĩ nhiên chủ về quyền lực, quyền lực lớn nhỏ tùy thuộc các sao phụ tá nhiều hay ít. Quyền lực về mặt nào còn phải xem nó kết hợp với sao nào. Xin nhắc lại, quyền lực của Thiên Tướng chỉ là thứ quyền lực tương đương chứ không phải quyền lực lãnh đạo.

*Cùng với Tử Vi tại Thìn Tuất.

*Với Liêm Trinh ở Ngọ Tí.

*Với Vũ Khúc ở Dần Thân.

*Một minh ở Sửu, Mùi, Tỵ, Hợi, Mão, Dậu.

Về Tử Vi Thiên Tướng, xin xem đoạn luận sao Tử Vi. Về Thiên Tướng Liêm Trinh xin xem đoạn luận sao Liêm Trinh. Về sao Thiên Tướng Vũ Khúc xin xem đoạn luận sao Vũ Khúc. Còn Thiên Tướng độc tọa Sửu Mùi. Đứng Sửu hay Mùi thì cung Phôi cũng là Liêm Tham hoặc Tỵ hoặc Hợi. Đứng Sửu gặp Tử Vi Phá Quân xung chiếu từ Mùi, đóng Mùi gặp Tử Phá xung chiếu từ Sửu.

Thiên Tướng trên bản chất là con người phần đầu, cái sức xung phỉ của Tử Phá kè là mạnh, khiến chỉ tiến thủ của Thiên Tướng tăng cao. Nếu như được sự phù trợ của Tả Hữu Quyền Lộc mới thành công, được sự phò trợ của Xương Khúc thành ra tài hoa vào lãnh vực văn nghệ hợp cách. Thiên Tướng Sửu Mùi không Tả Hữu, không Quyền Lộc, không Xương Khúc ắt là vất vả.

Thiên Tướng Sửu Mùi đường vợ con phiền não. Số Nữ tự lo lấy thân không có phận được nhờ chồng. Thiên Tướng ở Tị với Hợi đứng một mình, cung xung chiếu là Vũ Khúc Phá Quân, nếu gặp các phụ tinh đẹp để thì tay trắng đứng nên cơ đồ.

Thiên Tướng khi ở Tị Hợi tất Thế cung là Tử Tham Mão hay Dậu, nếu lấy vợ hay chồng hơn tuổi thì vợ mới đang đang quân xuyên, chồng mới lo toàn. Trường hợp vợ hay chồng trẻ hơn thì nuôi chồng hay khổ vì vợ. Nhất là Tử Tham ấy lại cặp với Đào Hoa, Mộc Đức, Thiên Riêu, Thiên Hình.

Thiên Tướng Tị Hợi làm việc giỏi, quản thủ tiền bạc vững chắc, ham hưởng thụ, không phải con người có lý tưởng. Có câu phú: "Tỵ Hợi Tướng Bình An nhập ư Bình Nhâm nhân, quyền hành chấn động, vận hữu Lộc Quyền hao diệu tài sản vượng tăng". (Nghĩa là: Thiên Tướng thủ Mệnh tại Tỵ Hợi mà người tuổi Bình Nhâm có Phúc Bình Quốc An thì có quyền hành gặp vận Quyền Lộc, song Hao, hay Phá Quân đắc địa tất hoạch phát tiền tài). Qua câu phú trên cho thấy Thiên Tướng còn hợp với Quốc An Phúc Bình và Tướng Quân nữa.

Thiên Tướng độc thủ Mão hay Dậu. Tại Mão gặp

Liên Phá từ cung xung chiếu, Mão không phải đất miêu mà là đất hãm. Thiên Tướng Mão chỉ phần đầu bên bị, nhưng thiếu tự tin, quá lo xa thành ra bảo thủ câu an nên không tiến bộ, thường ít dám đương đầu với khó khăn, thắng hoặc khi gặp hiểm nguy không phải là tay quyền biến.

Thiên Tướng Dậu cũng thế, nếu như các vận đi tốt đẹp còn khá thù, ngược báng vận trình xấu rất phiền, cuộc đời vướng víu như kẻ mắc vào lưới. Thiên Tướng Mão Dậu thì Thế cung Tham Vũ ở Sư hay Mùi. Cung này có nhiều phụ tinh tốt thì vợ thảo vác đảm lược, nếu như Thế cũng lại có cả Hòa Tinh Linh Tinh hoặc Hóa Quyền thì bà vợ nắm quyền hành tuyệt đối. Thế cung hội hợp luôn cả những đam tình hay Đào hoa tinh thì chính công là Vô đại Lang vậy (Trong Thủy Hử truyền Vô đại Lang bị vợ là Phan Kim Liên quanh năm suốt tháng đi với trai).

Người đời sau qua kinh nghiệm đưa ra một cách cục kẻ là hấp dẫn và đúng về Thiên Tướng đóng Mão cung như sau: “Tướng lâm chân địa, Đào Hồng Tả Hữu Quyền Xương, diện hoa vũ bá vận phùng Phá Đà Kinh Kiếp Là Bó do đảm mãn kiếp” (nghĩa là: Mệnh an tại Mão có Thiên Tướng thủ hội Đào Hồng Tả Hữu Hóa Quyền Văn Xương mặt đẹp như ngọc, võ nghệ hơn người gặp vận Phá Đà Kinh Kiếp như Là Bó vì mê Điều Thuyền mà phá hỏng đời mình).

Thiên Tướng rất hiểm nguy, nếu gặp Triệt án ngữ Mệnh cung.

Thiên Tướng Tuân Triệt trước miên.

Khi lâm trận địa đầu liên phân thân.

Thiên Tướng ngộ Triệt dễ là số bất đắc kỳ tử, tuy nhiên phải phối hợp thêm với các hung sát tinh khác mới rõ rệt. Thiên Tướng hoàn toàn không chịu Hòa Tinh, Linh Tinh. Bị Hòa Linh người thủ Mệnh Thiên Tướng dễ đứng đầu với tai nạn gây thương tích.

Luận về Thiên Tướng, sách Đầu Số Toàn Thư đưa ra hai câu đáng chú ý:

a) “Thiên Tướng, Tham Liêm Vũ Phá Dương Đà sát

tấu, sào nghệ an thân”. (Thiên Tướng gặp Tham Lang, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân và các sát tinh Kinh Đà tấu hội, thì giới tay nghề, tạo dựng cuộc đời an định).

b) “Phùng Phủ khan Tướng” (Có Thiên Phủ phải tìm Thiên Tướng, không thấy nói “Phùng Tướng khan Phủ”)

Câu a) đã xong vì quá rõ ràng. Dưới đây chỉ bàn về câu b) thôi. Gặp Phủ phải tìm Thiên Tướng ý chỉ rằng nếu Thiên Tướng hay đẹp sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự xấu tốt của Thiên Phủ. Thiên Phủ thật ra không cần các sao đi theo thế tam hợp báng sao Thiên Tướng như đã nói ngay từ đầu. Vậy thì ta cũng có thể nói: “Phùng Tướng khan Phủ”.

Phủ bao giờ cũng đi với Tướng, đương nhiên theo cung cách an sao thì hễ đã có Tướng phải có Phủ đứng theo thế triều cung, hoặc tam hợp mà gặp nhau để ảnh hưởng lẫn nhau.

Nếu Thiên Tướng được hội hợp Thiên Phủ đứng với Hóa thì Thiên Tướng đắc lực hơn. Nhược bằng Thiên Phủ đã không có Lộc đứng bên mà lại đi cùng các sát tinh thì Thiên Tướng cũng vì thế mà kém hẳn. Tại sao? Vì Thiên Phủ đứng với sát tinh có nghĩa là kho rỗng, kho lộ tất nhiên phải gây phiền cho Thiên Tướng.

Về sao Thiên Tướng sách Tử Vi Đầu Số còn đưa ra hai cách cuộc khác là: “Hình Kỵ hiệp An” và “Tài Âm hiệp An”. Như đã biết, Thiên Tướng hóa khí là An, và sao Thiên Lương là Âm. Thiên Tướng đứng đầu, cung trước mặt phải là Thiên Lương, cung sau phải là Cự Môn.

Nếu như Cự Môn đi kèm Hóa Lộc thì mới là “Tài Âm hiệp An” chủ về phú quý. Trường hợp Thiên Tướng đóng Mão hay Dậu, Hóa Lộc đứng cùng Thiên Lương ở đằng trước thì không hề kể như Tài Âm hiệp.

Nếu Cự Môn đi kèm Hóa Kỵ thì lại biến ra Hình Kỵ hiệp An cuộc đời sẽ phiền toái lận đận. Tại sao Thiên Lương biến thành Hình? Đầu số Toàn Thư ghi rằng: “Thiên Lương là hình hiển chi tinh”. Cứ thấy Kỵ đằng sau lập tức Thiên Lương chuyển ra Hình.

Trường hợp Thiên Tướng đảng trước Kinh Dương, đảng sau Đà La cũng kể là Hình Kị hiệp Án, vì hóa khí của Kinh Dương là Hình, hóa khí Đà La là Kị.

Trường hợp Thiên Tướng với Vũ Khúc có Hóa Kị, hoặc đứng với Liêm Trinh có Hóa Kị, đảng trước Kinh phía sau Đà thì lại thêm ra một cách cục khác gọi bằng “Kinh Đà hiệp Kị” cách cuộc này còn ác liệt nữa, dễ vướng vào quan tụng, tai nạn, thắng trăm dữ đội. Kinh Đà hiệp Kị chỉ thủ phận không nên đua chen mới yên.

Bản sang câu: “Thiên Tướng chỉ tinh Nữ mệnh triển, tất đương tử qui cập phu hiền” (Thiên Tướng vào số Nữ chồng hiền, con thành đạt), cách này cần hội tụ Khoa Quyền Lộc thì mới được phu hiền từ quý. Bởi vậy Liêm Tướng thủ Mệnh ở Tí mà người nữ tuổi Kỷ, hoặc Liêm Tướng tại Ngọ mà tuổi Giáp mới thật là hợp cách.

Câu phú: “Nữ mệnh Thiên Tướng Hữu Hữu Bất phục lại lâm” ý chỉ sao phò tá Hữu Bất rất tốt với số Nữ Thiên Tướng thủ Mệnh nhưng hai sao ấy phải ở cùng một cung nếu chiếu theo tam hợp thì giảm đi. Tuy nhiên có một điểm xấu cho cách này là: Chồng thường có thiếp hầu, do đó ở vào hiện đại cách Thiên Tướng Hữu Bất không còn thể gọi là phúc lại lâm nữa. Ngày xưa ông chồng có thiếp hầu là chuyện thường, bây giờ là chuyện rắc rối.

Nữ mệnh Thiên Tướng không nên có Văn Xương Văn Khúc, vì gặp Xương Khúc người đàn bà thông tuệ mà thân phận mỏng, không thọ, dễ lâm thiếp. “Thiên Tướng Xương Khúc nữ đa thị thiếp” “Nữ mệnh Thiên Tướng thủ mệnh, ngộ Xương Khúc xung phá, thiên phòng thị thiếp chi lưu”.

Xin xem thảo thêm những câu phú về sao Thiên Tướng:

*Thiên Tướng tối hi cư Thê vị. (Nam mạng có Thiên Tướng đồng Thê cung tất gặp người vợ đảm lược quán xuyên).

*Tương ngộ Cái đảo Khúc Mộc thuận tước đảm

phong, hạn ngộ Cơ Riêu vô phu nan tự giải cố miên. (Số Nữ Thiên Tướng gặp Hoa Cái Đảo Hoa Mộc Dục Văn Khúc thì nhan sắc xinh đẹp nhưng dâm đảng, vận gặp Thiên Cơ Thiên Riêu đêm nằm thao thức tơ tương duyên gái trai như con chim chia với đến ngày động dục).

*Tướng Liêm tại Ngọ, Khoa Hình Quyền cùng, Hàn Tín đạt cao võ thượng chi công. (Mệnh lập Ngọ Liêm Tướng thủ hội Khoa Hình Quyền như Hàn Tín xưa đảng đàn bài tướng lập võ công oanh liệt).

*Tý Ngọ Tướng Liêm phùng Phụ Bất thái y đắc thê. (Mệnh đóng Tí hay Ngọ Liêm Tướng thủ được Tà Hữu thì làm thầy thuốc giỏi).

*Thiên Tướng Tử Vi Thân phùng Phá, kiêm ngộ Vương Tuân đa mưu yếm trá. (Thiên Tướng Tử Vi thủ Mệnh thân, Phá Quân mà gặp Tuân Không, Đế Vương là con người lắm mưu lắm thủ đoạn và gian hùng).

*Thiên Tướng Tử Vi Tuất Thìn khởi năng đạt công danh chi chí. (Thìn Tuất an Mệnh Tử Vi Thiên Tướng thủ, không gặp thêm cát tinh thì khó nên danh phận với đời).

*An mang liệt vị phong hầu

Sao lãnh Tướng Cáo hội vào Mệnh cung.

(Cung Mệnh có Thiên Tướng Phong Cáo thì công danh địa vị cao).

*Thiên Tướng Không Kiếp cư quan

Công danh chẳng được tân toan nhiều bề.

(Thiên Tướng gặp Không Kiếp ở Quan Lộc công danh chịu lắm khó khăn cay đắng thăng trầm gian nan).

*Thiên Tướng ngộ Lộc xung trung tọa

Cửa mạn đào có gả tài nhân.

(Mệnh Thiên Tướng gặp Hóa Lộc chiếu hay Hóa Lộc đứng cùng thì dễ quyền rũ đàn bà con gái, cũng thường là số đa thê).

*Tướng miếu hoặc hãm gặp ngay

Tuân Triệt án ngữ thân nay khó toàn

Hoặc bị sung đàn đao gươm